

Bắc Giang, ngày 06 tháng 8 năm 2016

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT YÊU CẦU ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ TIN HỌC ỨNG DỤNG - TRÌNH ĐỘ B

NGÀY KIỂM TRA: 31/7/2016; NGÀY CẤP: 05/8/2016

(Danh sách ban hành kèm theo quyết định số 738/QĐ-ĐHNLBG-ĐT ngày 04 tháng 8 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang)

TT	Họ và tên	SBD	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp TT	Khóa học		Điểm LT	Điểm TH	Điểm TBC	Kết quả xếp loại	Số hiệu	Số vào sổ
						Từ	Đến						
1	Nguyễn Quốc Anh	THB01	10/01/1994	Tam Thanh - TP. Lạng Sơn - Lạng Sơn	THB11	11/7/2016	28/7/2016	6,5	8,5	7,5	Khá	2368519	TH000214
2	Lê Công Tuấn Anh	THB02	10/7/1995	Nam Dương - Lục Ngạn - Bắc Giang	THB11	11/7/2016	28/7/2016	7,0	9,0	8,0	Giỏi	2368520	TH000215
3	Ngô Tuấn Anh	THB03	12/10/1996	Mai Trung - Hiệp Hòa - Bắc Giang	THB10	11/7/2016	28/7/2016	5,5	8,0	6,8	Trung Bình	2368521	TH000216
4	Chu Thị Kim Anh	THB04	30/6/1996	TT. Nénh - Việt Yên - Bắc Giang	-	-	-	7,5	8,0	7,8	Khá	2368522	TH000217
5	Hà Thị Ánh	THB05	05/3/1996	Tân Thịnh - Chiêm Hóa - Tuyên Quang	THB12	11/7/2016	28/7/2016	6,0	7,5	6,8	Trung Bình	2368523	TH000218
6	Nguyễn Công Bôn	THB06	26/12/1994	Thanh Thùy - Thanh Oai - Hà Nội	THB7	24/02/2016	24/5/2016	7,5	8,0	7,8	Khá	2368524	TH000219
7	Trần Thị Kim Cúc	THB07	28/8/1995	Minh Quán - Trần Yên - Yên Bái	THB12	11/7/2016	28/7/2016	6,0	8,0	7,0	Khá	2368525	TH000220
8	Cà Thị Cương	THB08	26/12/1995	Thanh Yên - Điện Biên - Điện Biên	THB9	24/02/2016	24/5/2016	9,0	3,5	6,3	Trung Bình	2368526	TH000221
9	Vũ Anh Dũng	THB09	02/8/1995	Lê Lợi - TP. Bắc Giang - Bắc Giang	THB10	11/7/2016	28/7/2016	7,5	6,5	7,0	Khá	2368527	TH000222
10	Lê Viết Dũng	THB10	16/6/1996	Tốt Động - Chương Mỹ - Hà Nội	THB6	24/02/2016	24/5/2016	8,5	4,0	6,3	Trung Bình	2368528	TH000223
11	Ngô Hoàng Dương	THB11	16/12/1996	Thọ Xương - TP. Bắc Giang - Bắc Giang	THB12	11/7/2016	28/7/2016	5,5	5,0	5,3	Trung Bình	2368529	TH000224
12	Hoàng Mạnh Dương	THB12	21/11/1997	Việt Tiến - Việt Yên - Bắc Giang	THB10	11/7/2016	28/7/2016	3,0	7,0	5,0	Trung Bình	2368530	TH000225
13	Đàm Văn Đạo	THB13	14/9/1994	Phù Ngọc - Hà Quảng - Cao Bằng	THB12	11/7/2016	28/7/2016	5,0	6,0	5,5	Trung Bình	2368531	TH000226
14	Lê Thành Đạt	THB14	08/12/1996	Đồng Lương - Cẩm Khê - Phú Thọ	THB12	11/7/2016	28/7/2016	8,0	7,0	7,5	Khá	2368532	TH000227
15	Bùi Đình Đông	THB15	03/8/1978	Trung Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	THB13	11/7/2016	28/7/2016	7,5	6,5	7,0	Khá	2368533	TH000228
16	Nguyễn Quang Đông	THB16	21/4/1996	Mường Thanh - Điện Biên - Lai Châu	THB6	24/02/2016	24/5/2016	8,0	7,0	7,5	Khá	2368801	TH000229
17	Nguyễn Thị Hương Giang	THB17	09/3/1995	Quang Trung - TP. Phủ Lý - Hà Nam	-	-	-	8,5	4,5	6,5	Trung Bình	2368802	TH000230
18	Trần Đức Hanh	THB18	12/9/1968	Phúc Hòa - Tân Yên - Bắc Giang	THB11	11/7/2016	28/7/2016	7,5	6,5	7,0	Khá	2368803	TH000231
19	Nguyễn Thị Hà	THB19	09/9/1995	Đô Lương - Đông Hưng - Thái Bình	THB11	11/7/2016	28/7/2016	7,0	3,0	5,0	Trung Bình	2368804	TH000232
20	Vũ Hồng Hà	THB20	27/6/1994	Vĩnh Tuy - Bắc Quang - Hà Giang	THB12	11/7/2016	28/7/2016	7,5	3,0	5,3	Trung Bình	2368805	TH000233

TT	Họ và tên	SBD	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp TT	Khóa học		Điểm LT	Điểm TH	Điểm TBC	Kết quả xếp loại	Số hiệu	Số vào sổ
						Từ	Đến						
21	Nguyễn Hoàng Hà	THB21	23/9/1996	Thái Dương - Bình Giang - Hải Dương	THB12	11/7/2016	28/7/2016	6,0	6,0	6,0	Trung Bình	2368806	TH000234
22	Nguyễn Văn Hải	THB22	04/6/1995	Hương Mai - Việt Yên - Bắc Giang	THB13	11/7/2016	28/7/2016	9,0	7,0	8,0	Giỏi	2368807	TH000235
23	Phạm Thị Hải	THB23	17/5/1990	Du Lễ - Kiến Thụy - Hải Phòng	THB13	11/7/2016	28/7/2016	9,0	7,5	8,3	Giỏi	2368808	TH000236
24	Nguyễn Thế Hải	THB24	25/5/1997	Quang Châu - Việt Yên - Bắc Giang	THB5	12/9/2015	12/01/2016	8,0	7,0	7,5	Khá	2368809	TH000237
25	Hoàng Thị Hạnh	THB25	07/11/1996	Yên Thịnh - Hữu Lũng - Lạng Sơn	THB11	11/7/2016	28/7/2016	9,0	5,0	7,0	Trung Bình	2368810	TH000238
26	Tô Thị Hồng Hạnh	THB26	24/12/1996	Đông Yên - Quốc Oai - Hà Nội	THB9	24/02/2016	24/5/2016	8,0	6,0	7,0	Khá	2368811	TH000239
27	Nguyễn Thu Hằng	THB27	23/7/1995	Tân Yên - Bắc Giang	THB10	11/7/2016	28/7/2016	8,0	7,0	7,5	Khá	2368812	TH000240
28	Ngô Thị Hằng	THB28	17/7/1995	Danh Thắng - Hiệp Hòa - Bắc Giang	THB9	24/02/2016	24/5/2016	9,0	7,0	8,0	Giỏi	2368813	TH000241
29	Nguyễn Thị Hân	THB29	01/10/1997	Liên Sơn - Tân Yên - Bắc Giang	THB13	11/7/2016	28/7/2016	6,5	6,5	6,5	Trung Bình	2368814	TH000242
30	Nguyễn Thị Thu Hiền	THB30	26/10/1993	Long sơn - Sơn Động - Bắc Giang	THB10	11/7/2016	28/7/2016	6,5	7,0	6,8	Trung Bình	2368815	TH000243
31	Đặng Thị Hiền	THB31	04/11/1996	Quảng Minh - Việt Yên - Bắc Giang	THB11	11/7/2016	28/7/2016	6,0	4,0	5,0	Trung Bình	2368816	TH000244
32	Nguyễn Văn Hiếu	THB32	16/8/1994	Châu Minh - Hiệp Hòa - Bắc Giang	THB10	11/7/2016	28/7/2016	6,5	7,5	7,0	Khá	2368817	TH000245
33	Nguyễn Văn Hiếu	THB33	07/7/1995	Tam Đa - Yên Phong - Bắc Ninh	THB12	11/7/2016	28/7/2016	7,0	7,0	7,0	Khá	2368818	TH000246
34	Đỗ Văn Hiếu	THB34	02/4/1995	Bình Sơn - Lục Nam - Bắc Giang	THB6	24/02/2016	24/5/2016	7,5	6,5	7,0	Khá	2368819	TH000247
35	Nguyễn Duy Hiếu	THB35	14/3/1995	TT.Nông Trường - Mộc Châu - Sơn La	THB9	24/02/2016	24/5/2016	8,0	6,0	7,0	Khá	2368820	TH000248
36	Nguyễn Văn Hiền	THB36	06/9/1995	Hòa Long - TP Bắc Ninh - Bắc Ninh	THB11	11/7/2016	28/7/2016	6,0	6,0	6,0	Trung Bình	2368821	TH000249
37	Ngô Văn Hiệp	THB37	05/3/1995	Đa Mai - TP. Bắc Giang - Bắc Giang	THB13	11/7/2016	28/7/2016	7,5	6,5	7,0	Khá	2368822	TH000250
38	Lý Thị Cúc Hoa	THB38	06/9/1996	Sơn Dương - Hoành Bồ - Quảng Ninh	THB4	12/9/2015	2/01/2016	6,0	5,5	5,8	Trung Bình	2368823	TH000251
39	Phạm Việt Hoàng	THB39	07/11/1995	Thanh Luận - Sơn Động - Bắc Giang	THB11	11/7/2016	28/7/2016	7,5	6,5	7,0	Khá	2368824	TH000252
40	Thân Việt Hoàng	THB40	20/02/1996	Tăng Tiến - Việt Yên - Bắc Giang	THB6	24/02/2016	24/5/2016	6,0	8,0	7,0	Khá	2368825	TH000253
41	Nguyễn Minh Hoàng	THB41	30/11/1996	48 Hàng Mã - Hoàn Kiếm - Hà Nội	THB6	24/02/2016	24/5/2016	8,0	8,5	8,3	Giỏi	2368826	TH000254
42	Nguyễn Khắc Hồng	THB42	24/12/1997	Liên Chung - Tân Yên - Bắc Giang	THB10	11/7/2016	28/7/2016	8,5	6,0	7,3	Khá	2368827	TH000255
43	Đinh Thị Hợi	THB43	27/5/1995	Thụy Hùng - Thạch An - Cao Bằng	THB8	24/02/2016	24/5/2016	9,0	7,0	8,0	Giỏi	2368828	TH000256
44	Đỗ Cao Huân	THB44	29/01/1995	Thuần Hưng - Khoái Châu - Hưng Yên	THB12	11/7/2016	28/7/2016	8,5	4,0	6,3	Trung Bình	2368829	TH000257
45	Nguyễn Thị Huệ	THB45	23/12/1997	Tự Lạn - Việt Yên - Bắc Giang	THB11	11/7/2016	28/7/2016	9,0	7,0	8,0	Giỏi	2368830	TH000258
46	Vũ Thị Huệ	THB46	08/9/1996	Thạch Bình - Nho Quan - Ninh Bình	THB12	11/7/2016	28/7/2016	10,0	8,0	9,0	Giỏi	2368831	TH000259
47	Hoàng Thị Minh Huệ	THB47	06/11/1996	Hương Lạc - Lạng Giang - Bắc Giang	THB11	11/7/2016	28/7/2016	9,0	7,0	8,0	Giỏi	2368832	TH000260

TT	Họ và tên	SBD	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp TT	Khóa học		Điểm LT	Điểm TH	Điểm TBC	Kết quả xếp loại	Số hiệu	Số vào sổ
						Từ	Đến						
48	Mè Thị Huệ	THB48	10/9/1995	Thanh Hải - Lục Ngạn - Bắc Giang	THB10	11/7/2016	28/7/2016	8,5	6,5	7,5	Khá	2368833	TH000261
49	Cung Quang Huy	THB49	29/6/1995	Đại Kim - Hoàng Mai - Hà Nội	THB11	11/7/2016	28/7/2016	8,5	7,0	7,8	Khá	2368834	TH000262
50	Nguyễn Văn Huy	THB50	26/3/1995	Nham Sơn - Yên Dũng - Bắc Giang	THB10	11/7/2016	28/7/2016	8,5	8,0	8,3	Giỏi	2368835	TH000263
51	Đặng Thị Huyền	THB51	08/5/1997	Đoan Bái - Hiệp Hòa - Bắc Giang	THB13	11/7/2016	28/7/2016	5,0	5,0	5,0	Trung Bình	2368836	TH000264
52	Triệu Thu Huyền	THB52	24/8/1995	TT. Cao Lộc - Cao Lộc - Lạng Sơn	THB4	12/9/2015	2/01/2016	8,0	3,5	5,8	Trung Bình	2368837	TH000265
53	Vũ Mạnh Hùng	THB53	28/8/1996	Việt Ngọc - Tân Yên - Bắc Giang	THB13	11/7/2016	28/7/2016	7,0	8,0	7,5	Khá	2368838	TH000266
54	Ngô Công Hùng	THB54	24/01/1993	Đa Mai - TP. Bắc Giang - Bắc Giang	THB13	11/7/2016	28/7/2016	7,0	8,0	7,5	Khá	2368839	TH000267
55	Nguyễn Tuấn Hưng	THB55	02/3/1996	Đông Lỗ - Hiệp Hòa - Bắc Giang	THB13	11/7/2016	28/7/2016	8,0	9,0	8,5	Giỏi	2368840	TH000268
56	Nguyễn Thị Hương	THB56	24/6/1996	Xuân Lâm - Thuận Thành - Bắc Ninh	THB10	11/7/2016	28/7/2016	8,0	9,5	8,8	Giỏi	2368841	TH000269
57	Nguyễn Thị Hường	THB57	10/3/1989	Thượng Lan - Việt Yên - Bắc Giang	THB13	11/7/2016	28/7/2016	7,0	8,0	7,5	Khá	2368842	TH000270
58	Phạm Cường Hường	THB58	17/5/1996	Hoàn Sơn - Tiên Du - Bắc Ninh	THB10	11/7/2016	28/7/2016	8,0	9,0	8,5	Giỏi	2368843	TH000271
59	Triệu Tồn Khoa	THB59	15/5/1994	Quế Hạ - Văn Yên - Yên Bái	THB12	11/7/2016	28/7/2016	6,0	7,5	6,8	Trung Bình	2368844	TH000272
60	Nguyễn Thị Lan	THB60	21/7/1996	Tân Ước - Thanh Oai - Hà Nội	THB12	11/7/2016	28/7/2016	8,5	9,5	9,0	Giỏi	2368845	TH000273
61	Nguyễn Thị Liên	THB61	11/10/1996	Việt Hùng - Quế Võ - Bắc Ninh	THB12	11/7/2016	28/7/2016	8,0	9,5	8,8	Giỏi	2368846	TH000274
62	Nguyễn Diệu Linh	THB62	07/01/1996	P. Lê Lợi - TP. Bắc Giang - Bắc Giang	THB12	11/7/2016	28/7/2016	8,0	7,5	7,8	Khá	2368847	TH000275
63	Trần Xuân Linh	THB63	18/01/1993	Tân Tiến - TP. Bắc Giang - Bắc Giang	THB13	11/7/2016	28/7/2016	7,5	6,0	6,8	Trung Bình	2368848	TH000276
64	Nguyễn Vũ Mỹ Linh	THB64	22/9/1997	Xuân Mai - Chương Mỹ - Hà Nội	THB10	11/7/2016	28/7/2016	6,0	5,0	5,5	Trung Bình	2368849	TH000277
65	Nguyễn Thị Thùy Linh	THB65	15/10/1996	Sơn Hà - Bảo Thắng - Lào Cai	THB7	24/02/2016	24/5/2016	8,5	6,0	7,3	Khá	2368850	TH000278
66	Lương Thùy Linh	THB66	04/4/1995	Việt Yên - Văn Quan - Lạng Sơn	THB8	24/02/2016	24/5/2016	7,0	8,0	7,5	Khá	2368851	TH000279
67	Đào Lê Mai	THB67	25/12/1996	Phi Mô - Lạng Giang - Bắc Giang	THB11	11/7/2016	28/7/2016	8,0	7,0	7,5	Khá	2368852	TH000280
68	Thân Thị Mai	THB68	22/11/1996	Hoàng Ninh - Việt Yên - Bắc Giang	THB11	11/7/2016	28/7/2016	8,0	7,0	7,5	Khá	2368853	TH000281
69	Đặng Thị Mai	THB69	20/11/1996	Đoan Bái - Hiệp Hòa - Bắc Giang	THB11	11/7/2016	28/7/2016	6,5	3,5	5,0	Trung Bình	2368854	TH000282
70	Nguyễn Thiện Mạnh	THB70	22/5/1995	TT. Nghèn - Can Lộc - Hà Tĩnh	THB6	24/02/2016	24/5/2016	8,0	8,0	8,0	Giỏi	2368855	TH000283
71	Nguyễn Thị Huyền Mi	THB71	27/02/1995	Phồn Xương - Yên Thế - Bắc Giang	THB13	11/7/2016	28/7/2016	7,5	9,0	8,3	Giỏi	2368856	TH000284
72	Lê Quang Minh	THB72	24/7/1996	Nam Ngạn - TP. Thanh Hóa - Thanh Hóa	THB11	11/7/2016	28/7/2016	4,0	8,5	6,3	Trung Bình	2368857	TH000285
73	Nguyễn Hồng Minh	THB73	04/7/1996	Cảnh Hưng - Tiên Du - Bắc Ninh	THB12	11/7/2016	28/7/2016	5,5	9,0	7,3	Trung Bình	2368858	TH000286
74	Khổng Thị Nguyệt Minh	THB74	09/02/1995	Châu Minh - Hiệp Hòa - Bắc Giang	THB13	11/7/2016	28/7/2016	7,5	9,5	8,5	Giỏi	2368859	TH000287

TT	Họ và tên	SBD	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp TT	Khóa học		Điểm LT	Điểm TH	Điểm TBC	Kết quả xếp loại	Số hiệu	Số vào sổ
						Từ	Đến						
75	Nguyễn Thành Nam	THB75	28/7/1994	Tiến Dũng - Yên Dũng - Bắc Giang	THB11	11/7/2016	28/7/2016	5,5	8,5	7,0	Trung Bình	2368860	TH000288
76	Nguyễn Thị Nga	THB76	03/7/1997	Hợp Đức - Thanh Hà - Hải Dương	THB12	11/7/2016	28/7/2016	6,0	9,0	7,5	Khá	2368861	TH000289
77	Lê Hà Ngân	THB77	26/5/1994	Bãi Cháy - TP. Hạ Long - Quảng Ninh	THB7	24/02/2016	24/5/2016	6,0	9,0	7,5	Khá	2368862	TH000290
78	Nguyễn Trọng Nghĩa	THB78	10/10/1996	Yên Tân - Ý Yên - Nam Định	THB12	11/7/2016	28/7/2016	6,5	8,5	7,5	Khá	2368863	TH000291
79	Đồng Thị Nhung	THB79	21/01/1995	Văn Đức - Chí Linh - Hải Dương	THB11	11/7/2016	28/7/2016	7,5	9,5	8,5	Giỏi	2368864	TH000292
80	Nguyễn Thị Nhung	THB80	29/5/1994	Mai Trung - Hiệp Hòa - Bắc Giang				7,0	7,0	7,0	Khá	2368865	TH000293
81	Nguyễn Thị Oanh	THB81	01/9/1996	Đồng Tân - Hiệp Hòa - Bắc Giang	THB11	11/7/2016	28/7/2016	5,5	4,5	5,0	Trung Bình	2368866	TH000294
82	Vũ Kiều Oanh	THB82	08/12/1996	Lan Mẫu - Lục Nam - Bắc Giang	THB4	12/9/2015	2/01/2016	7,0	4,0	5,5	Trung Bình	2368867	TH000295
83	Nguyễn Thị Kim Phụng	THB84	26/11/1997	Trù Hựu - Lục Ngạn - Bắc Giang	THB10	11/7/2016	28/7/2016	6,0	9,0	7,5	Khá	2368868	TH000296
84	Tổng Thị Phụng	THB85	08/9/1996	Vạn An - TP. Bắc Ninh - Bắc Ninh	THB12	11/7/2016	28/7/2016	6,5	9,5	8,0	Khá	2368869	TH000297
85	Nguyễn Thị Phụng	THB86	16/7/1995	Bình Lư - Phong Thổ - Lai Châu	THB9	24/02/2016	24/5/2016	7,0	9,5	8,3	Giỏi	2368870	TH000298
86	Nguyễn Trung Quang	THB87	16/3/1995	Tự Lạn - Việt Yên - Bắc Giang	THB11	11/7/2016	28/7/2016	6,0	7,5	6,8	Trung Bình	2368871	TH000299
87	Trần Ngọc Sơn	THB88	08/4/1996	Thọ Xương - Thọ Xuân - Thanh Hóa	THB12	11/7/2016	28/7/2016	6,5	8,5	7,5	Khá	2368872	TH000300
88	Dương Trọng Tài	THB89	16/01/1997	Hòa Sơn - Hiệp Hòa - Bắc Giang	THB10	11/7/2016	28/7/2016	7,0	9,5	8,3	Giỏi	2368873	TH000301
89	Trịnh Thanh Tài	THB90	12/11/1996	Yên Đồng - Ý Yên - Nam Định	THB13	11/7/2016	28/7/2016	7,0	9,5	8,3	Giỏi	2368874	TH000302
90	Hoàng Văn Tâm	THB91	01/8/1995	Thanh Luận - Sơn Động - Bắc Giang	THB6	24/02/2016	24/5/2016	7,5	9,5	8,5	Giỏi	2368875	TH000303
91	Đặng Văn Thanh	THB92	21/5/1996	Lạc Vệ - Tiên Du - Bắc Ninh	THB10	11/7/2016	28/7/2016	4,0	7,5	5,8	Trung Bình	2368876	TH000304
92	Lại Tiến Thành	THB93	06/4/1996	Việt Lập - Tân Yên - Bắc Giang	THB10	11/7/2016	28/7/2016	5,5	7,0	6,3	Trung Bình	2368877	TH000305
93	Trương Bích Thảo	THB94	07/9/1996	Lê Lợi - TP. Bắc Giang - Bắc Giang	THB11	11/7/2016	28/7/2016	5,5	7,5	6,5	Trung Bình	2368878	TH000306
94	Đỗ Thị Thi	THB95	25/01/1996	Đại Tự - Yên Lạc - Vĩnh Phúc	THB6	24/02/2016	24/5/2016	7,0	9,5	8,3	Giỏi	2368879	TH000307
95	Bùi Tiến Thiện	THB96	14/12/1996	Vũ Công - Kiến Xương - Thái Bình	THB6	24/02/2016	24/5/2016	8,0	9,0	8,5	Giỏi	2368880	TH000308
96	Phạm Thị Thu	THB97	03/11/1996	Hiên Vân - Tiên Du - Bắc Ninh	THB10	11/7/2016	28/7/2016	6,5	8,0	7,3	Khá	2368881	TH000309
97	Nguyễn Thị Hồng Thu	THB98	29/5/1994	An Bồi - Kiến Xương - Thái Bình	THB13	11/7/2016	28/7/2016	8,0	6,5	7,3	Khá	2368882	TH000310
98	Đặng Công Thuận	THB99	30/4/1997	Việt Tiến - Việt Yên - Bắc Giang	THB10	11/7/2016	28/7/2016	5,0	5,0	5,0	Trung Bình	2368883	TH000311
99	Đỗ Thị Thúy	THB100	06/10/1995	Tuần Đạo - Sơn Động - Bắc Giang	THB11	11/7/2016	28/7/2016	6,0	4,5	5,3	Trung Bình	2368884	TH000312
100	Nguyễn Thị Thúy	THB101	02/11/1997	Trung Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	THB13	11/7/2016	28/7/2016	6,0	7,0	6,5	Trung Bình	2368885	TH000313
101	Vũ Hồng Thúy	THB102	01/8/1995	Phổ Ràng - Bảo Yên - Lào Cai	THB13	11/7/2016	28/7/2016	7,0	9,0	8,0	Giỏi	2368886	TH000314

TT	Họ và tên	SBD	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp TT	Khóa học		Điểm LT	Điểm TH	Điểm TBC	Kết quả xếp loại	Số hiệu	Số vào sổ
						Từ	Đến						
102	Dương Thị Thu Thủy	THB103	01/10/1995	Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	THB13	11/7/2016	28/7/2016	6,0	8,0	7,0	Khá	2368887	TH000315
103	Trần Ngọc Hoài Thương	THB104	08/10/1996	Bích Động - Việt Yên - Bắc Giang	THB10	11/7/2016	28/7/2016	6,0	7,0	6,5	Trung Bình	2368888	TH000316
104	Nguyễn Văn Tình	THB105	05/9/1996	Thọ Xương - TP. Bắc Giang - Bắc Giang	THB13	11/7/2016	28/7/2016	4,5	5,5	5,0	Trung Bình	2368889	TH000317
105	Hoàng Văn Toàn	THB106	04/9/1986	Khúc Hòa - Tân Yên - Bắc Giang	THB11	11/7/2016	28/7/2016	6,5	7,5	7,0	Khá	2368890	TH000318
106	Thân Quang Toán	THB107	13/4/1997	Nam Dương - Lục Ngạn - Bắc Giang	THB10	11/7/2016	28/7/2016	6,5	5,0	5,8	Trung Bình	2368891	TH000319
107	Nguyễn Thị Trang	THB108	10/11/1997	Thị Trấn Chũ - Lục Ngạn - Bắc Giang	THB11	11/7/2016	28/7/2016	5,5	5,5	5,5	Trung Bình	2368892	TH000320
108	Nguyễn Thị Trang	THB109	05/02/1996	Mình Đạo - Tiên Du - Bắc Ninh	THB6	24/02/2016	24/5/2016	7,0	7,0	7,0	Khá	2368893	TH000321
109	Nguyễn Trọng Trung	THB110	04/01/1997	Phú Nghĩa - Chương Mỹ - Hà Nội	THB12	11/7/2016	28/7/2016	7,0	7,0	7,0	Khá	2368894	TH000322
110	Nguyễn Đình Tuấn	THB111	04/11/1996	Hoàn Sơn - Tiên Du - Bắc Ninh	THB12	11/7/2016	28/7/2016	7,0	9,5	8,3	Giỏi	2368895	TH000323
111	Trần Thanh Tùng	THB112	09/5/1996	Quảng Minh - Việt Yên - Bắc Giang	THB11	11/7/2016	28/7/2016	7,0	8,5	7,8	Khá	2368896	TH000324
112	Nông Văn Tùng	THB113	01/4/1996	Canh Nậu - Yên Thế - Bắc Giang	THB12	11/7/2016	28/7/2016	6,0	7,0	6,5	Trung Bình	2368897	TH000325
113	Ngô Quốc Việt	THB114	08/10/1997	Đồng Tân - Ứng Hòa - Hà Nội	THB12	11/7/2016	28/7/2016	6,5	8,0	7,3	Khá	2368898	TH000326
114	Giáp Thị Xuân	THB115	07/11/1995	Ngọc Thiện - Tân Yên - Bắc Giang	THB12	11/7/2016	28/7/2016	6,0	7,0	6,5	Trung Bình	2368899	TH000327
115	Nguyễn Thị Hải Yến	THB116	15/10/1996	Mình Đạo - Tiên Du - Bắc Ninh	THB12	11/7/2016	28/7/2016	6,5	6,0	6,3	Trung Bình	2368900	TH000328

Tổng số thí sinh theo danh sách: 115

Trong đó:

Loại Giỏi 27

Loại Khá 45

Loại Trung bình 43

Bắc Giang, ngày 04 tháng 8 năm 2016

Chủ tịch Hội đồng Xét kết quả kỳ kiểm tra

Thư ký Hội đồng Xét kết quả kỳ kiểm tra

Chủ tịch Hội đồng kiểm tra

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

Ts. Đoàn Văn Soạn

Ths. Nguyễn Việt Đức

Ths. Đỗ Thị Huyền